

(Đề gồm có 02 trang)

Họ tên thí sinh:.....SBD:.....

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Có chăng nghệ thuật đọc sách?

[...]

(1) Với những nho sĩ thời xưa, đọc sách, bình văn nhiều khi là chuyện thiêng liêng, người ta chuẩn bị không gian và tâm thế thanh tịnh để thưởng ngoạn một cuốn sách; một căn phòng thanh vắng, một lu trầm, y phục tề chỉnh.

(2) Trong thời đại công nghiệp và hậu công nghiệp ngày nay, sách cũng như một món hàng, thậm chí là thức ăn nhanh, người ta tranh thủ những phút rảnh rỗi hiếm hoi trên tàu xe, trong phòng đợi nhà ga, đọc để giải khuây, để giết thì giờ. Những người làm sách đã tìm các hình thức thuận lợi cho công chúng: sách bỏ túi, sách truyện tranh có nhịp độ nhanh, sách ghi âm để mở nghe như nghe nhạc trên đường lái xe hơi đến sở làm.

(3) Việc đọc sách là thói quen của từng người, không ai giống ai. Có những người kỹ tính giữ gìn cẩn trọng từng cuốn sách, không làm nhàu nát, không dám viết hay ghi “nốt” gì trong sách, đánh dấu trang sách đọc dở bằng tấm thẻ nhỏ chứ không dám gấp nếp góc trang giấy làm đau sách. Lại có những người cho rằng giá trị của sách là ở tinh thần của nó chứ không phải dáng vẻ bề ngoài, nên mình là chủ thì có toàn quyền sử dụng: thoải mái gạch dưới những câu văn cần chú ý, ghi bên lề những dấu hỏi, dấu than, những lời nhận xét, bình phẩm... Chúng ta có thể học hỏi được rất nhiều từ những “ghi chú bên lề” đó trong tủ sách mà các danh nhân để lại.

[...]

(4) Cách ngồi đọc sách cũng tùy thuộc vào loại sách và mục đích của việc đọc. Đọc sách khoa học kỹ thuật, triết học... với mục đích nghiên cứu thì phải ngồi vào bàn nghiêm túc, tập trung tư tưởng, đôi khi phải đứng dậy đi đi lại lại ngẫm nghĩ để tiêu hóa một ý tưởng, một luận điểm. Tương truyền rằng tấm thảm trong phòng làm việc của Karl Marx in hằn dấu chân ông. Còn đọc thơ, đọc truyện để giải trí thì tha hồ thoải mái: đọc khi nằm đợi giấc ngủ, lúc đi du lịch, trong buổi họp nhàm chán, khi chờ khám bệnh hay xin giấy tờ...

(5) Nghệ thuật đọc sách chung quy là nghệ thuật sử dụng thời gian, thời gian học tập hay thời gian giải trí. Đọc là cách nối dài sự hiện hữu của mình. Sách cũng như bạn, có bạn nghề nghiệp, có bạn tâm giao, có bạn để tán dóc... Mình chọn bạn mà chơi và tùy theo bạn mà biết cách chơi. Không nên ép đọc sách theo một kiểu nào, một khuôn khổ nào. Lâm Ngữ Đường khuyên ta: Lúc nào thấy thích đọc thì mở sách ra mà đọc. Nói theo một truyện ngắn trào phúng của Aziz Nesin, nếu cứ chờ đến khi không có ruồi bay, thì sẽ chẳng bao giờ làm được việc gì cả.

(6) Quan niệm và thị hiếu của người đọc dẫn đến cách chọn sách và đọc sách. Không phải ngẫu nhiên mà khi được hỏi tại sao ông không thêm ghé mắt đến cuốn sách mọi người đang đổ xô tìm đọc, một nhà văn trả lời: Tôi không đọc nó vì tôi biết cuộc đời ngắn lắm! Nói cho cùng, nghệ thuật đọc sách cũng thể hiện nghệ thuật sống. Sống cho ra sống và sống một cách thoải mái, tự do, không gò bó, không chạy theo những gì giả tạo ở ngoài bản thân mình.

(Trích *Hãy cầm lấy và đọc* – Huỳnh Như Phương, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2016, tr.18-20)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định vấn đề nghị luận của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra các luận điểm được tác giả triển khai trong văn bản.

Câu 3. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn sau: *Trong thời đại công nghiệp và hậu công nghiệp ngày nay, sách cũng như một món hàng, thậm chí là thức ăn nhanh, người ta tranh thủ những phút rảnh rỗi hiếm hoi trên tàu xe, trong phòng đợi nhà ga, đọc để giải khuây, để giết thì giờ.*

Câu 4. Nhận xét về cách sử dụng bằng chứng trong đoạn (4).

Câu 5. Qua văn bản, anh/chị hãy nêu một vài cách đọc sách hiệu quả của bản thân (trình bày từ 5 – 7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ quan điểm: “*Không nên ép đọc sách theo một kiểu nào, một khuôn khổ nào.*” trong văn bản ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về tự do trong học tập và sáng tạo.

Câu 2 (4,0 điểm). Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hình tượng đất nước trong hai trích đoạn thơ dưới đây:

Bên kia sông Đuống

Quê hương ta lúa nếp thơm nồng

Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong

Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp

(Trích *Bên kia sông Đuống*, Hoàng Cầm 100 bài thơ, NXB Dân Trí, 2022, tr.20)

Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu

Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái

Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại

Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất Tổ Hùng Vương

Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm

Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút; non Nghiên

Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh

Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm

Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi

Chẳng mang một dáng hình, một ao ước một lối sống ông cha

Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy

Những cuộc đời đã hóa núi sông ta...

(*Đất nước*, trích chương V, trường ca *Mặt đường khát vọng* – Nguyễn Khoa Điềm,

SGK Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục, 2016, tr.120)

----- **HẾT** -----

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Vấn đề nghị luận của văn bản: Nghệ thuật đọc sách/ Cách lựa chọn và thưởng thức sách của con người trong thời hiện đại. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 01 ý như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời : 0 điểm.	0,5
	2	Những luận điểm được tác giả triển khai trong văn bản: - Sự thay đổi của quan niệm đọc sách theo thời đại. - Thói quen đọc sách riêng của mỗi người. - Cách đọc sách phụ thuộc vào loại sách và mục đích đọc. - Nghệ thuật đọc sách là nghệ thuật sử dụng thời gian. - Nghệ thuật đọc sách cũng thể hiện nghệ thuật sống. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng từ 4 - 5 luận điểm: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời đúng từ 1 - 3 luận điểm: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời sai/không trả lời: 0 điểm.	0,5
	3	- Biện pháp tu từ so sánh: Sách được so sánh với món hàng, thức ăn nhanh - Tác dụng: + Nhấn mạnh thực trạng công nghiệp hóa trong việc đọc sách làm mất đi giá trị tinh thần và ý nghĩa của việc đọc. + Thể hiện thái độ phê phán kín đáo nhưng sâu sắc của tác giả trước lối đọc công nghiệp, hời hợt, thiếu chiều sâu, đồng thời bộc lộ sự tiếc nuối, trăn trở về những thay đổi trong văn hóa đọc của con người hiện đại. + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt và lập luận. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh chỉ ra được biện pháp so sánh: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời được tác dụng như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 01 ý trong tác dụng như đáp án: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời sai/không trả lời: 0 điểm.	1,0
	4	- Bằng chứng: <i>Tám thăm trong phòng làm việc của Karl Marx in hần dẫu chân ông.</i> - Nhận xét: + Bằng chứng cụ thể, sinh động, xác thực. + Làm sáng tỏ luận điểm: Cách đọc phụ thuộc vào loại sách và mục đích đọc. + Tăng tính thuyết phục, biểu cảm và truyền cảm hứng về tinh thần học tập nghiêm túc, tập trung. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh chỉ ra được bằng chứng chứng: 0,25 điểm.	1,0

	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét được bằng chứng như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh nhận xét được 01 ý như đáp án: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời sai/không trả lời: 0,0 điểm 	
5	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày cách đọc sách theo quan điểm và kinh nghiệm của bản thân phù hợp, hiệu quả. - Sau đây là một vài gợi ý: + Lựa chọn sách phù hợp mục đích. + Đọc kết hợp với ghi chú, suy ngẫm, trao đổi. + Kết hợp giữa việc đọc để học và đọc để thư giãn. + Tạo không gian yên tĩnh cho việc đọc. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trình bày được từ 4 -5 cách trở lên: 1,0 điểm. - Học sinh trình bày được từ 2- 3 cách: 0,75 điểm. - Học sinh trình bày được 01 cách: 0,25 điểm. - Học sinh không trả lời: 0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau, miễn phù hợp với bản thân, hợp lý và hiệu quả.</p>	1,0
II	VIẾT	6,0
1	Từ quan điểm: “Không nên ép đọc sách theo một kiểu nào, một khuôn khổ nào.” trong văn bản ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về tự do trong học tập và sáng tạo.	2,0
	<p>Đoạn văn đáp ứng được các yêu cầu sau:</p> <p>a. Yêu cầu chung: xác định đúng vấn đề nghị luận; bảo đảm các yêu cầu về hình thức, dung lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề nghị luận: Tự do trong học tập và sáng tạo. - Hình thức: có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp,... - Dung lượng: khoảng 200 chữ. 	0,5
	<p>b. Yêu cầu cụ thể: học sinh triển khai đoạn văn theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận.</p> <p>b1. Giải thích vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự do trong học tập và sáng tạo là khả năng chủ động tiếp nhận tri thức, dám suy nghĩ độc lập, dám thể hiện cái riêng trong tư duy, trong cách học và trong việc tạo ra sản phẩm của mình. - Tự do trong học tập và sáng tạo còn là việc không bị gò bó trong khuôn mẫu, không rập khuôn theo người khác, mà biết học theo cách phù hợp với bản thân. <p>b2. Bàn luận vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự do trong học tập là vô cùng quan trọng và cần thiết, bởi nó giúp khơi dậy hứng thú và niềm say mê học tập; giúp kích thích tư duy độc lập và khả năng sáng tạo; giúp người học phát triển toàn diện năng lực cá nhân; tạo nên sự tiến bộ của tri thức nhân loại... - Để đạt được tự do trong học tập và sáng tạo, người học cần chủ động và tự giác trong việc đặt mục tiêu, kế hoạch, phương pháp học phù hợp với bản thân; giữ tinh thần phản biện, tư duy độc lập; không sợ sai, dám thử nghiệm,... - Tự do không có nghĩa là tùy tiện; tự do chân chính phải đi cùng với trách nhiệm, kỷ luật và ý thức học hỏi nghiêm túc. - Liên hệ với bản thân <p>b3. Sáng tạo</p>	0,25
		1,0
		0,25

	<ul style="list-style-type: none"> - Có những ý đột phá, vượt ra ngoài Đáp án nhưng có sức thuyết phục. - Có cách diễn đạt tinh tế, độc đáo. 	
	<p style="text-align: center;">HƯỚNG DẪN CHẤM</p> <p>a. Đối với yêu cầu chung: 0,5 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vấn đề nghị luận: 0,25 điểm. - Bảo đảm yêu cầu về hình thức đoạn văn và dung lượng 200 ± 100 chữ: 0,25 điểm; nếu không đáp ứng 1 trong 2 yêu cầu về hình thức và dung lượng: 0 điểm. <p>b. Đối với yêu cầu cụ thể: 1,5 điểm</p> <p>Giáo viên chấm thi xem xét và chấm điểm bài làm của học sinh theo các yêu cầu mà Đáp án đã nêu. Số điểm trong mỗi ý bao gồm cả yêu cầu về diễn đạt, trình bày. Cụ thể như sau:</p> <p>b1: 0,25 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh biết cách giải thích vấn đề nghị luận <i>tự do trong học tập và sáng tạo</i> một cách rõ ràng, chính xác. - Giải thích được 1 trong 2 ý như Đáp án vẫn đạt 0,25 điểm. <p>b2: 1,0 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh bàn luận được như Đáp án có đầy đủ dẫn chứng, diễn đạt trôi chảy, lưu loát, có sức thuyết phục : 1,0 điểm. - Học sinh bàn luận được 02 ý: 0,75 điểm. - Học sinh bàn luận được 01 ý: 0,5 điểm. <p>b3: 0,25 điểm</p> <p>Đáp ứng được 01 tiêu chí vẫn chấm 0,25 điểm.</p> <p>Lưu ý:</p> <p>Trừ điểm mắc lỗi (diễn đạt, chính tả, dùng từ và viết câu):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trừ 0,5 điểm nếu đoạn văn mắc từ 4 – 6 lỗi; - Trừ 0,75 điểm nếu đoạn văn mắc từ 7 -8 lỗi; - Không chấm vượt quá 1,0 điểm của cả câu nếu đoạn văn mắc trên 8 lỗi. 	
2	<p>Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hình tượng đất nước trong hai trích đoạn thơ <i>Bên kia sông Đuống</i> (Hoàng Cầm) và <i>Đất nước</i> (trích trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i> – Nguyễn Khoa Điềm).</p>	4,0
	<p>Bài văn đáp ứng được các yêu cầu sau:</p> <p>a. Yêu cầu chung: xác định được yêu cầu nghị luận, đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng và sử dụng bằng chứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề nghị luận: So sánh, đánh giá hình tượng đất nước trong hai đoạn trích thơ <i>Bên kia sông Đuống</i> (Hoàng Cầm) và <i>Đất nước</i> (trích trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i> – Nguyễn Khoa Điềm). - Dung lượng: khoảng 600 chữ - Bằng chứng: trong hai đoạn trích và văn bản thơ <i>Bên kia sông Đuống</i> (Hoàng Cầm) và <i>Đất nước</i> (trích trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i> – Nguyễn Khoa Điềm). 	1,0
	<p>b. Yêu cầu cụ thể: học sinh triển khai bài viết theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận.</p> <p>b1. Viết được mở bài và kết bài cho bài văn nghị luận văn học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài: giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Kết bài: khẳng định được vấn đề nghị luận. <p>b2. So sánh điểm giống và khác nhau của hình tượng đất nước trong hai đoạn trích thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm giống: + Cả hai đoạn trích đều tôn vinh, ngợi ca vẻ đẹp Đất nước: <i>Bên kia sông</i> 	3,0 0,5 1,0

	<p><i>Đuống</i> – Hoàng Cầm là vẻ đẹp của văn hóa, phong tục, truyền thống nơi miền đất Kinh Bắc: <i>Lúa nếp thơm nồng, tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong, màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp</i>; <i>Đất nước</i> – Nguyễn Khoa Điềm là vẻ đẹp của không gian địa lý với các danh lam thắng cảnh: <i>núi Vọng Phu, hòn Trống Mái, ao đầm Thánh Gióng, đất Tổ Hùng Vương, núi Bút non Nghiên...</i></p> <p>+ Cả hai đoạn trích đều thể hiện tình yêu sâu nặng và niềm tự hào đối với quê hương, đất nước của hai nhà thơ.</p> <p>- Điểm khác:</p> <p>+ Cảm hứng chủ đạo: <i>Bên kia sông Đuống</i> là niềm tự hào về vẻ đẹp của quê hương; <i>Đất nước</i> là sự suy tư, chiêm nghiệm về vai trò của nhân dân đối với đất nước.</p> <p>+ Cách thể hiện hình tượng: <i>Bên kia sông Đuống</i> được thể hiện qua những hình ảnh cụ thể, đậm màu sắc dân gian: <i>lúa nếp, tranh Đông Hồ, giấy điệp</i>; <i>Đất nước</i> sử dụng thủ pháp liệt kê, điệp cấu trúc đi từ những hiện tượng cụ thể đến khái quát chiều sâu tư tưởng <i>Đất nước của nhân dân</i>.</p> <p>+ Giọng điệu: <i>Bên kia sông Đuống</i> là giọng điệu trữ tình dân gian, giàu âm hưởng Kinh Bắc; <i>Đất nước</i> là giọng điệu trữ tình – chính luận, mang chiều sâu triết lý.</p> <p>b3. Lí giải sự giống và khác nhau</p> <p>- Giống nhau: Cùng ra đời trong bối cảnh đất nước có chiến tranh; cùng bắt nguồn từ tình yêu Tổ quốc, ý thức trân trọng, gìn giữ những giá trị văn hóa dân tộc.</p> <p>- Khác nhau:</p> <p>+ <i>Bên kia sông Đuống</i> được viết trong kháng chiến chống Pháp – khi quê hương bị giặc Pháp giày xéo. <i>Đất nước</i> (trích trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i>) được viết trong kháng chiến chống Mỹ – thời kì đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.</p> <p>+ Quan niệm nghệ thuật: Với Hoàng Cầm, hình tượng đất nước gắn với vẻ đẹp văn hóa dân gian Kinh Bắc, còn Nguyễn Khoa Điềm, hình tượng đất nước gắn liền tư tưởng <i>Đất Nước của Nhân dân</i>.</p> <p>b4. Đánh giá về giá trị của hai đoạn thơ</p> <p>- Đoạn trích <i>Bên kia sông Đuống</i> (Hoàng Cầm) đã khơi dậy niềm tự hào và tình yêu với những giá trị văn hóa dân gian của đất nước; Đoạn trích <i>Đất nước</i> (Nguyễn Khoa Điềm) đem đến chiều sâu tư tưởng và nhận thức mới về vai trò của nhân dân trong lịch sử dân tộc.</p> <p>- Hai đoạn thơ góp phần làm phong phú cảm hứng về đất nước trong thơ ca Việt Nam hiện đại – vừa cụ thể, sinh động, vừa khái quát, sâu sắc; khẳng định sức sống bất diệt của tâm hồn Việt qua mọi thời đại.</p> <p>b5. Sáng tạo</p> <p>- Có những ý đột phá, vượt ra ngoài Đáp án nhưng có sức thuyết phục.</p> <p>- Có cách diễn đạt tinh tế, độc đáo.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
	<p style="text-align: center;">HƯỚNG DẪN CHẤM</p> <p>a. Đối với yêu cầu chung: 1,0 điểm</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</p> <p>- Bảo đảm yêu cầu về dung lượng 600 ± 200 chữ: 0,25 điểm.</p> <p>- Bảo đảm yêu cầu về bằng chứng:</p> <p>+ Thuyết phục, bao quát các khía cạnh của vấn đề nghị luận: 0,25 điểm</p> <p>+ Sử dụng bằng chứng từ hai đoạn trích thơ: 0,25 điểm.</p> <p>b. Đối với yêu cầu cụ thể: 3,0 điểm</p>	

	<p>Giáo viên chấm xem xét và chấm điểm bài làm của học sinh theo các yêu cầu mà Đáp án đã nêu. Số điểm trong mỗi ý bao gồm cả yêu cầu về diễn đạt, trình bày. Cụ thể như sau:</p> <p>b1: 0,5 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết dẫn dắt và nêu vấn đề nghị luận: 0,25 điểm - Biết khẳng định vấn đề nghị luận: 0,25 điểm <p>b2: 1,0 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ điểm giống nhau về hình tượng đất nước trong hai đoạn trích thơ: 0,5 điểm - Làm rõ điểm khác nhau về hình tượng đất nước trong hai đoạn trích thơ: 0,5 điểm. <p>b3: 0,5 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí giải được 01 ý trong sự giống nhau: 0,25 điểm - Lí giải được 01 ý trong sự khác nhau: 0,25 điểm. <p>b4: 0,5 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá giá trị riêng của hai đoạn thơ: 0,25 điểm. - Đánh giá giá trị chung của hai đoạn thơ: 0,25 điểm. <p>b5: 0,5 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý mới có sức thuyết phục: 0,25 điểm. - Diễn đạt tinh tế, độc đáo, biết vận dụng lí luận văn học: 0,25 điểm. <p>Lưu ý:</p> <p>Trừ điểm mắc lỗi (diễn đạt, chính tả, dùng từ và viết câu):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trừ 0,5 điểm nếu bài văn mắc từ 6 – 8 lỗi; - Trừ 1,0 điểm nếu bài văn mắc từ 9 – 12 lỗi; - Không chấm quá 2,0 điểm của cả câu nếu bài văn mắc trên 12 lỗi. 	
Tổng điểm		10,0